III. KẾ TOÁN CHI TIẾT TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Mọi tài sản cô' định trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng gồm: Biên bản giao nhận tài sản cố" định, hợp đồng, hoá đơn mua tài sản *cố* định và các chứng từ khác có liên quan. Tài sản cố định phải được phân loại, thống kê, đánh *số* và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đôl tượng ghi tài sản cố định và được phản ánh trong sổ theo dõi tài sản *cố* định.

Mỗi tài sản *cố* định phải được quản lý theo nguyên giá, số khấu hao luỹ kế và giá trị còn lại trên sô kế toán;

Giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định	_	Nguyên giá của tài sản cố định	số khấu hao luỹ kể của Tài sản cố định	

Định kỳ vào cuôl mỗi năm tài chính, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê tài sản cố định. Mọi trường hợp phát hiện thừa, thiếu tài sản cô định đều phải lập biên bản, tìm nguyên nhân và có biện pháp xử lý.

Kê'toán chi tiết tài sản cố định sử dụng các loại chứng từ, sô'kếtoán sau:

Biên bản giao nhận TSCĐ dùng để ghi chép, theo dõi TSCĐ thay đổi. Khi có sự thay đổi, giao nhận TSCĐ do bất kỳ nguyên nhân nào cũng phải thành lập Hội đồng giao nhận TSCĐ. Hội đồng này có nhiệm vụ nghiệm thu và lập Biên bản giao nhận TSCĐ theo mẫu 01 trong chế độ ghi chép ban đầu. Biên bản này lập riêng cho từng TSCĐ. Trường hợp giao nhận cùng lúc nhiều TSCĐ cùng loại thì có thể lập chung nhưng sau đó phải sao cho mỗi TSCĐ một bản để lưu vào hồ sơ riêng. Biên bản giao nhận TSCĐ được lập thành 2 bản. Bên giao và bên nhận mỗi bên giữ một bản.

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Hồ sơ TSCĐ: Mỗi TSCĐ phải có một bộ hồ sơ riêng bao gồm Biên bản giao nhận TSCĐ, các bản sao tài liệu kĩ thuật, hướng dẫn sử dụng và các hoá đơn, chứng từ có liên quan đến việc mua sắm, sửa chữa TSCĐ.

Thẻ tài sản cố định - Mẫu số S23-DN: Thẻ được lập cho từng đối tượng ghi tài sản cố định. Thẻ TSCĐ dùng chung cho mọi TSCĐ là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, cây, con, gia súc... Căn cứ để lập thẻ TSCĐ: Biên bản giao nhận TSCĐ; Biên bản đánh giá lại TSCĐ; Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ; Biên bản thanh lý TSCĐ; Các tài liệu kỹ thuật có liên quan.

Sổ tài sản cố định - Mẫu số S21-DN: Dùng để đăng ký, theo dõi và quản lý chặt chẽ tài sản trong đơn vị từ khi mua sắm, đưa vào sử dụng đến khi ghi giảm tài sản cố định. Mỗi một sổ hoặc một số trang sổ được mở theo dõi cho một loại TSCĐ (nhà cửa, máy móc thiết bị...). Căn cứ vào chứng từ tăng, giảm TSCĐ để ghi vào sổ TSCĐ.

Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng - Mẫu số S22-DN: Sổ này dùng để ghi chép tình hình tăng, giảm tài sản cố định và công cụ, dụng cụ tại từng nơi sử dụng nhằm quản lý tài sản và dụng cụ đã được cấp cho các phòng, ban làm căn cứ để đối chiếu khi tiến hành kiểm kê định kỳ. Mỗi đơn vị hoặc bộ phận (phân xưởng, phòng ban...) thuộc doanh nghiệp phải mở một sổ để theo dõi tài sản. Căn cứ vào chứng từ gốc về tăng, giảm tài sản để ghi vào sổ tài sản theo đơn vị sử dụng.

IV. KẾ TOÁN TỔNG HỢP TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Kế toán tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

1.1. Tài khoản sử dụng

- TÀI KHOẢN 211 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm toàn bộ tài sản cố định hữu hình của doanh nghiệp theo nguyên giá.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 211 - Tài sản cố định hữu hình

Bên Nợ:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tăng do được cấp, do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do các đơn vị tham gia liên doanh góp vốn, do được tặng biếu, tài trợ,...

- Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCĐ do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo nâng cấp,...

- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Bên Có:

- Nguyên giá của TSCĐ giảm do điều chuyển cho đơn vị khác, do nhượng bán, thanh lý hoặc đem đi góp vốn liên doanh,...

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

- Nguyên giá của TSCĐ giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận;

- Điều chỉnh giảm nguyên giá do đánh giá lại TSCĐ.

Số dư bên Nợ:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có ở doanh nghiệp.

Tài khoản 211 - Tài sản cố định hữu hình có 6 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 2111 - Nhà cửa, vật kiến trúc:* Phản ánh giá trị các công trình XDCB như nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào, bể, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà cửa, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng...

- *Tài khoản 2112 - Máy móc thiết bị:* Phản ánh giá trị các loại máy móc, thiết bị dùng trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ.

- *Tài khoản 2113 - Phương tiện vận tải, truyền dẫn:* Phản ánh giá trị các loại phương tiện vận tải, gồm phương tiện vận tải đường bộ, sắt, thuỷ, sông, hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn (Thông tin, điện nước, băng chuyền tải vật tư, hàng hoá).

- *Tài khoản 2114 - Thiết bị, dụng cụ quản lý:* Phản ánh giá trị các loại thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quản lý, kinh doanh, quản lý hành chính (Máy tính điện tử, quạt trần, quạt bàn, bàn ghế, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt,...).

- *Tài khoản 2115 - Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm:* Phản ánh giá trị các loại TSCĐ là các loại cây lâu năm (Cà phê, chè, cao su, vườn cây ăn quả,...) súc vật làm việc (Voi, bò, ngựa cày kéo...) và súc vật nuôi để lấy sản phẩm (Bò sữa, súc vật sinh sản,...).

- *Tài khoản 2118 - TSCĐ khác:* Phản ánh giá trị các loại TSCĐ khác chưa được quy định phản ánh ở các tài khoản nêu trên (Như tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật,...).

1.2. Phương pháp kế toán

1.2.1. Kế toán tăng tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định của đơn vị tăng do được cấp vốn (Đối với DNNN), nhận góp vốn bằng TSCĐ, do mua sắm, do công tác XDCB đã hoàn thành đưa vào sử dụng, do được viện trợ hoặc tặng, biếu.

(1). TSCĐ hữu hình được cấp (cấp vốn bằng TSCĐ), ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh.

(2). Khi mua sắm TSCĐ hữu hình (Kể cả mua mới hoặc mua lại TSCĐ đã sử dụng) dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

theo phương pháp khấu trừ, căn cứ các chứng từ có liên quan đến việc mua TSCĐ (Hoá đơn, phiếu chi,...), kế toán xác định nguyên giá của TSCĐ, lập hồ sơ kế toán, lập Biên bản giao nhận TSCĐ và tiến hành ghi sổ kế toán:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có các TK 111, 112,...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 341 - Vay dài hạn.

Trường hợp mua TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Tổng giá thanh toán)

Có TK 111, 112, 331, 341,...

- Nếu TSCĐ được mua sắm bằng nguồn vốn XDCB hoặc các quỹ của doanh nghiệp, thì đồng thời với việc ghi tăng TSCĐ, kế toán phải ghi tăng nguồn vốn kinh doanh, giảm nguồn vốn XDCB hoặc giảm quỹ đầu tư phát triển.

Nợ TK 414 - Quỹ đầu tư phát triển

Nợ TK 441 - Nguồn vốn đầu tư XDCB

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh.

(3). Trường hợp mua TSCĐ hữu hình theo phương thức trả chậm, trả góp:

- Khi mua TSCĐ hữu hình theo phương thức trả chậm, trả góp và đưa về sử dụng ngay cho hoạt động SXKD, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá - ghi theo giá mua trả tiền ngay)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn [(Phần lãi trả chậm là số chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán trừ (-) giá mua trả tiền ngay trừ (-) thuế GTGT (nếu có)]

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Định kỳ, thanh toán tiền cho người bán, kế toán ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 111, 112 (Số phải trả định kỳ bao gồm cả giá gốc và lãi trả chậm, trả góp phải trả định kỳ).

Đồng thời tính vào chi phí theo số lãi trả chậm, trả góp phải trả của từng kỳ, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn.

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

(4). Trường hợp doanh nghiệp được tài trợ, biếu, tặng TSCĐ hữu hình đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động SXKD, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Các chi phí khác liên quan trực tiếp đến TSCĐ hữu hình được tài trợ, biếu, tặng tính vào nguyên giá, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Có TK 111, 112, 331,...

(5). Trường hợp TSCĐ hữu hình tự chế:

- Khi sử dụng sản phẩm do doanh nghiệp tự chế tạo để chuyển thành TSCĐ hữu hình sử dụng cho hoạt động SXKD, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 155 - Thành phẩm (Nếu xuất kho ra sử dụng)

Có TK 154 - Chi phí SXKD dở dang (Nếu sản xuất xong đưa vào sử dụng ngay, không qua kho).

Đồng thời ghi tăng TSCĐ hữu hình:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (Doanh thu là giá thành sản xuất thực tế sản phẩm).

- Chi phí lắp đặt, chạy thử,... liên quan đến TSCĐ hữu hình, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Có TK 111, 112, 331,...

(6). Trường hợp TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi:

(6.1). TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐ hữu hình tương tự:

- Khi nhận TSCĐ hữu hình tương tự do trao đổi và đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động SXKD, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá TSCĐ hữu hình nhận về ghi theo giá trị còn lại của TSCĐ đưa đi trao đổi)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị đã khấu hao của TSCĐ đưa đi trao đổi)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đưa đi trao đổi).

(6.2). TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐ hữu hình không tương tự:

- Khi giao TSCĐ hữu hình cho bên trao đổi, kế toán ghi giảm TSCĐ:

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đưa đi trao đổi)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị đã khấu hao)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá).

Đồng thời ghi tăng thu nhập do trao đổi TSCĐ:

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Giá trị hợp lý của TSCĐ đưa đi trao đổi)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (TK 33311) (nếu có).

- Khi nhận được TSCĐ hữu hình do trao đổi, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Giá trị hợp lý của TSCĐ nhận được do trao đổi)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (Nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (Tổng giá thanh toán).

- Trường hợp phải thu thêm tiền do giá trị hợp lý của TSCĐ đưa đi trao đổi lớn hơn giá trị hợp lý của TSCĐ nhận được do trao đổi thì khi nhận được tiền của bên có TSCĐ trao đổi, ghi:

Nợ TK 111, 112 (Số tiền đã thu thêm)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

- Trường hợp phải trả thêm tiền do giá trị hợp lý của TSCĐ đưa đi trao đổi nhỏ hơn giá trị hợp lý của TSCĐ nhận được do trao đổi thì khi trả tiền cho bên có TSCĐ trao đổi, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 111, 112,...

(7). Trường hợp mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất, đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động SXKD, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá - chi tiết nhà cửa, vật kiến trúc)

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình (Nguyên giá - chi tiết quyền sử dụng đất)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 111, 112, 331,...

(8). Trường hợp TSCĐ hữu hình tăng do đầu tư XDCB hoàn thành:

(8.1). Trường hợp quá trình đầu tư XDCB được hạch toán trên cùng hệ thống sổ kế toán của đơn vị:

Khi công tác XDCB hoàn thành nghiệm thu, bàn giao đưa tài sản vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá)

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang.

- Nếu tài sản hình thành qua đầu tư không thoả mãn các tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình theo quy định của chuẩn mực kế toán TSCĐ hữu hình, ghi:

Nợ TK 152, 153 (Nếu là vật liệu, công cụ nhập kho)

Có TK 241 - XDCB dở dang

Đối với doanh nghiệp Nhà nước, nếu TSCĐ nghiệm thu, bàn giao được đánh giá

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

lại giá trị đầu tư cao hơn chi phí đầu tư thực tế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Đối với công trình đầu tư kéo dài nhiều năm), ghi:

Nợ TK 211 - Tài sản cố định hữu hình

Có TK 441 - Xây dựng cơ bản dở dang

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (Phần chênh lệch đánh giá tăng không kể phần chênh lệch tỷ giá ngoại tệ trong quá trình đầu tư).

- Nếu doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc các quỹ doanh nghiệp để đầu tư XDCB, kế toán ghi tăng nguồn vốn kinh doanh, giảm nguồn vốn đầu tư XDCB và các quỹ doanh nghiệp.

(8.2). Trường hợp quá trình đầu tư XDCB không hạch toán trên cùng hệ thống sổ kế toán của đơn vị (Đơn vị chủ đầu tư mở riêng một hệ thống sổ kế toán để theo dõi quá trình đầu tư XDCB):

Khi doanh nghiệp nhận bàn giao TSCĐ là sản phẩm đầu tư XDCB hoàn thành và nguồn vốn hình thành TSCĐ (Kể cả bàn giao khoản vay đầu tư XDCB), ghi:

Nợ TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (Nguyên giá)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332) (Nếu được khấu trừ)

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (Phần vốn chủ sở hữu)

Có TK 341 - Vay dài hạn (Phần vốn vay các tổ chức tín dụng); hoặc

Có TK 343 - Trái phiếu phát hành (Phần vốn vay trực tiếp do phát hành trái phiếu)

Có TK 136 - Phải thu nội bộ (Phần vốn đơn vị cấp trên giao).

- Đối với doanh nghiệp Nhà nước, nếu TSCĐ (Đầu tư qua nhiều năm) được nghiệm thu, bàn giao theo giá trị ở thời điểm bàn giao công trình (Theo giá trị phê duyệt của cấp có thẩm quyền), ghi:

Nợ TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (Nguyên giá được duyệt, kể cả phần giá trị được đánh giá tăng)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có).

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (Phần vốn chủ sở hữu, kể cả phần giá trị được đánh giá tăng)

Có TK 341 - Vay dài hạn; hoặc

Có TK 136 - Phải thu nội bộ.

Bàn giao TSCĐ hoàn thành qua đầu tư, đồng thời với việc bàn giao các khoản vay dài hạn, hoặc nợ dài hạn để hình thành TSCĐ đó.

(9). Trường hợp công trình hoặc hạng mục công trình XDCB hoàn thành đã bàn giao lưa vào sử dụng, nhưng chưa được duyệt quyết toán vốn đầu tư, thì doanh nghiệp căn cứ vào chi phí đầu tư XDCB thực tế, tạm tính nguyên giá để hạch toán tăng TSCĐ (Nhằm có cơ sở tính và trích khấu hao TSCĐ đưa vào sử dụng). Sau khi

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

quyết toán vốn đầu tư XDCB được duyệt, nếu có chênh lệch so với giá trị TSCĐ đã tạm tính thì kế toán thực hiện hạch toán điều chỉnh số chênh lệch.

(10). TSCĐ nhận được do điều động nội bộ trong Tổng công ty (Không phải thanh toán tiền), ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá)

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (Giá trị còn lại).

(11). Trường hợp dùng kinh phí hoạt động sự nghiệp, kinh phí dự án để đầu tư mua sắm TSCĐ, khi TSCĐ mua sắm, đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng cho hoạt động sự nghiệp, dự án, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Có TK 111, 112, hoặc

Có TK 241 - XDCB dở dang

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 461 - Nguồn kinh phí sự nghiệp (4612).

Đồng thời ghi tăng nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ:

Nợ TK 161 - Chi sự nghiệp (1612)

Có TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ.

- Nếu rút dự toán chi hoạt động mua TSCĐ đồng thời ghi:

Có TK 008 - Dự toán chi sự nghiệp, dự án.

(12). Trường hợp đầu tư, mua sắm TSCĐ bằng quỹ phúc lợi, khi hoàn thành đưa vào sử dụng cho hoạt động văn hóa, phúc lợi, ghi:

Nợ TK 211 - Tài sản cố định hữu hình (Tổng giá thanh toán)

Có các TK 111, 112, 331, 341,...

- Đồng thời kết chuyển giảm quỹ phúc lợi, ghi:

Nợ TK 3532 - Quỹ phúc lợi

Có TK 3533 - Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ.

(13). Trường hợp đầu tư, mua sắm TSCĐ hoàn thành bằng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ, ghi:

Nợ TK 211, 213 (Nguyên giá)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có các TK 111, 112, 331

Đồng thời, ghi:

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ TK 3561 - Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Có TK 3562 - Quỹ PTKH&CN đã hình thành TSCĐ.

(14). Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu liên quan đến TSCĐ hữu hình như sửa chữa, cải tạo, nâng cấp:

- Khi phát sinh chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp TSCĐ hữu hình sau khi ghi nhận ban đầu, ghi:

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có các TK 112, 152, 331, 334,...

- Khi công việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp TSCĐ hoàn thành đưa vào sử dụng:

+ Nếu thỏa mãn các điều kiện được ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang.

+ Nếu không thỏa mãn các điều kiện được ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình, ghi:

Nợ các TK 623, 627, 641, 642 (Nếu giá trị nhỏ)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Nếu giá trị lớn phải phân bổ dần)

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang.

1.2.2. Kế toán giảm tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình của đơn vị giảm, do nhượng bán, thanh lý, mất mát, phát hiện thiếu khi kiểm kê, đem góp vốn liên doanh, điều chuyển cho đơn vị khác, tháo dỡ một hoặc một số bộ phận... Trong mọi trường hợp giảm TSCĐ hữu hình, kế toán phải làm đầy đủ thủ tục, xác định đúng những khoản thiệt hại và thu nhập (nếu có).

(1). Trường hợp nhượng bán TSCĐ dùng vào sản xuất, kinh doanh:

- Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, số thu về nhượng bán TSCĐ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,...

Có TK 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp (33311)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Giá bán chưa có thuế GTGT).

- Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, số tiền thu về nhượng bán TSCĐ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,...

Có TK 711 - Thu nhập khác (Tổng giá thanh toán).

- Căn cứ Biên bản giao nhận TSCĐ để ghi giảm TSCĐ đã nhượng bán:

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (2141) (Giá trị đã hao mòn)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Giá trị còn lại)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá).

- Các chi phí phát sinh liên quan đến nhượng bán TSCĐ được phản ánh vào bên Nợ TK 811 "Chi phí khác".

(2). Trường hợp nhượng bán TSCĐ hữu hình dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án:

- Căn cứ Biên bản giao nhận TSCĐ để ghi giảm TSCĐ đã nhượng bán:

Nợ TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (Giá trị còn lại)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị đã hao mòn)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình nguyên giá).

Số tiền thu, chi liên quan đến nhượng bán TSCĐ hữu hình ghi vào các tài khoản liên quan theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

(3). Trường hợp nhượng bán TSCĐ hữu hình dùng vào hoạt động văn hóa, phúc lợi:

- Căn cứ Biên bản giao nhận TSCĐ để ghi giảm TSCĐ nhượng bán, ghi:

Nợ TK 353 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3533) (Giá trị còn lại)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị đã hao mòn)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá).

- Đồng thời phản ánh số thu về nhượng bán TSCĐ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 353 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3532)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3331) (Nếu có)

- Phản ánh số chi về nhượng bán TSCĐ, ghi:

Nợ TK 353 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3532)

Có các TK 111, 112,...

(4). Trường hợp nhượng bán TSCĐ đầu tư, mua sắm bằng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ:

- Căn cứ Biên bản giao nhận TSCĐ để ghi giảm TSCĐ nhượng bán, ghi:

Nợ TK 3562 - Quỹ PTKH&CN đã hình thành TSCĐ (Giá trị còn lại)

Nợ TK 214 – Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Có TK 211.

- Đồng thời phản ánh số thu về nhượng bán TSCĐ, ghi:

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ các TK 111, 112, 131

Có TK 3561 - Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Phản ánh số chi về nhượng bán TSCĐ, ghi:

Nợ TK 3561 - Quỹ PTKH&CN

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331.

(5). Trường hợp thanh lý TSCĐ:

TSCĐ thanh lý là những TSCĐ hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng được, những TSCĐ lạc hậu về kỹ thuật hoặc không phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Khi có TSCĐ thanh lý, đơn vị phải ra quyết định thanh lý, thành lập Hội đồng thanh lý TSCĐ. Hội đồng thanh lý TSCĐ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc thanh lý TSCĐ theo đúng trình tự, thủ tục quy định trong chế độ quản lý tài chính và lập "Biên bản thanh lý TSCĐ" theo mẫu quy định. Biên bản được lập thành 2 bản, 1 bản chuyển cho phòng kế toán để theo dõi ghi sổ, 1 bản giao cho đơn vị quản lý, sử dụng TSCĐ.

Căn cứ vào Biên bản thanh lý và các chứng từ có liên quan đến các khoản thu, chi thanh lý TSCĐ,... kế toán ghi sổ như trường hợp nhượng bán TSCĐ.

(6). Đối với TSCĐ hữu hình dùng cho sản xuất, kinh doanh, nếu không đủ tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định phải chuyển thành công cụ, dụng cụ ghi:

Nợ các TK 623, 627, 641, 642 (Nếu giá trị còn lại nhỏ)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Nếu giá trị còn lại lớn phải phân bổ dần)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá TSCĐ).

1.2.3. Kế toán TSCĐ hữu hình phát hiện thừa, thiếu

Mọi trường hợp phát hiện thừa hoặc thiếu TSCĐ đều phải truy tìm nguyên nhân. Căn cứ vào "Biên bản kiểm kê TSCĐ" và kết luận của Hội đồng kiểm kê để hạch toán chính xác, kịp thời, theo từng nguyên nhân cụ thể:

Kế toán TSCĐ phát hiện thừa:

(1) Nếu TSCĐ phát hiện thừa do để ngoài sổ sách (chưa ghi sổ), kế toán phải căn cứ vào hồ sơ TSCĐ để ghi tăng TSCĐ theo từng trường hợp cụ thể, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Có các TK 241, 331, 338, 411,...

Nếu TSCĐ thừa đang sử dụng thì ngoài nghiệp vụ ghi tăng TSCĐ hữu hình, phải căn cứ vào nguyên giá và tỷ lệ khấu hao để xác định giá trị hao mòn làm căn cứ tính, trích bổ sung khấu hao TSCĐ hoặc trích bổ sung hao mòn đối với TSCĐ dùng cho hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, dự án, ghi:

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ các TK Chi phí sản xuất, kinh doanh (TSCĐ dùng cho SXKD)

Nợ TK 3533 - Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ (TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi)

Nợ TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dự án)

Có TK 214 - Hao mòn TSCĐ (2141).

(2) Nếu TSCĐ phát hiện thừa được xác định là TSCĐ của đơn vị khác thì phải báo ngay cho đơn vị chủ tài sản đó biết. Nếu không xác định được đơn vị chủ tài sản thì phải báo ngay cho cơ quan cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp (nếu là DNNN) biết để xử lý. Trong thời gian chờ xử lý, kế toán phải căn cứ vào tài liệu kiểm kê, tạm thời phản ánh vào Tài khoản 002 "Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công" (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán) để theo dõi giữ hộ.

Kế toán TSCĐ phát hiện thiếu:

(1). Trường hợp có quyết định xử lý ngay: Căn cứ "Biên bản xử lý TSCĐ thiếu đã được duyệt và hồ sơ TSCĐ, kế toán phải xác định chính xác nguyên giá, giá trị hao mòn của TSCĐ đó làm căn cứ ghi giảm TSCĐ và xử lý vật chất phần giá trị còn lại của TSCĐ.

(1.1). Đối với TSCĐ thiếu dùng vào sản xuất, kinh doanh, ghi:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Nợ các TK 111, 334, 138 (1388) (Nếu người có lỗi phải bồi thường)

Nợ TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (Nếu được phép ghi giảm vốn)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Nếu doanh nghiệp chịu tổn thất)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình.

(1.2). Đối với TSCĐ thiếu dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án:

- Phản ánh giảm TSCĐ, ghi:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Nợ TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (Giá trị còn lại)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá).

- Đối với phần giá trị còn lại của TSCĐ thiếu phải thu hồi theo quyết định xử lý, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (Nếu thu tiền)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu trừ vào lương của người lao động)

Có các TK liên quan (Tùy theo quyết định xử lý).

(1.3). Đối với TSCĐ thiếu dùng vào hoạt động văn hóa, phúc lợi:

- Phản ánh giảm TSCĐ, ghi:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ TK 3533 - Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ (Giá trị còn lại)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá).

- Đối với phần giá trị còn lại của TSCĐ thiếu phải thu hồi theo quyết định xử lý, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (Nếu thu tiền).

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu trừ vào lương của người lao động)

Có TK 3532 - Quỹ phúc lợi.

(2). Trường hợp TSCĐ thiếu chưa xác định được nguyên nhân chờ xử lý:

(2.1). Đối với TSCĐ thiếu dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- Phản ánh giảm TSCĐ. Phần giá trị còn lại của TSCĐ thiếu, ghi:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (2141) (Giá trị hao mòn)

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381) (Giá trị còn lại)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá).

- Khi có quyết định xử lý giá trị còn lại của TSCĐ thiếu, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (Tiền bồi thường)

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (Nếu người có lỗi phải bồi thường)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu trừ vào lương của người lao động)

Nợ TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (Nếu được phép ghi giảm vốn)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Nếu doanh nghiệp chịu tổn thất)

Có TK 138 - Phải thu khác (1381).

(2.2). Đối với TSCĐ thiếu dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án:

- Phản ánh giảm TSCĐ, ghi:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Nợ TK 466 - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ (Giá trị còn lại)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá).

Đồng thời phản ánh phần giá trị còn lại của TSCĐ thiếu vào TK 1381 "Tài sản thiếu chờ xử lý", ghi:

Nợ TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác.

- Khi có quyết định xử lý thu bồi thường phần giá trị còn lại của TSCĐ thiếu, ghi:

Nợ các TK 111, 334,...

Có TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý.

Đồng thời phản ánh số thu bồi thường phần giá trị còn lại của TSCĐ thiếu vào các tài khoản liên quan theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền:

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác

Có các TK liên quan (TK 333, 461,...).

(2.3). Đối với TSCĐ thiếu dùng vào hoạt động văn hóa, phúc lợi:

- Phản ánh giảm TSCĐ, ghi:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Nợ TK 3533 - Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ (Giá trị còn lại)

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá).

Đồng thời phản ánh phần giá trị còn lại của TSCĐ thiếu vào TK 1381 "Tài sản thiếu chờ xử lý", ghi:

Nợ TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK 3532 - Quỹ phúc lợi.

Khi có quyết định xử lý thu bồi thường phần giá trị còn lại của TSCĐ thiếu, ghi:

Nợ các TK 111, 334,...

Có TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý.

2. Kế toán tăng, giảm tài sản cố định vô hình

2.1. Tài khoản sử dụng

- TÀI KHOẢN 213 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ vô hình của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 213 - TSCĐ vô hình:

Bên Nợ:

Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng.

Bên Có:

Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm.

Số dư bên Nợ:

Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có ở doanh nghiệp.

Tài khoản 213 - TSCĐ vô hình, có 7 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 2131 - Quyền sử dụng đất:* Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (đối với trường hợp quyền sử dụng đất riêng biệt đối với giai đoạn đầu tư xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc trên đất), lệ phí trước bạ (nếu có)....Tài khoản này không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

- *Tài khoản 2132 - Quyền phát hành:* Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp phải chi ra để có quyền phát hành.

- *Tài khoản 2133- Bản quyền, bằng sáng chế:* Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế doanh nghiệp phải chi ra để có bản quyền tác giả, bằng sáng chế.

- *Tài khoản 2134 - Nhãn hiệu hàng hoá:* Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

- *Tài khoản 2135 - Phần mềm máy vi tính:* Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp phải chi ra để có phần mềm máy vi tính.

- *Tài khoản 2136 - Giấy phép và giấy phép nhượng quyền:* Phản ánh giá trị TSCĐ vô hình là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó, như: giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới....

- *Tài khoản 2138 - TSCĐ vô hình khác:* Phản ánh giá trị các loại TSCĐ vô hình khác chưa quy định phản ánh ở các tài khoản trên.

2.2. Phương pháp kế toán

(1). Hạch toán các nghiệp vụ mua TSCĐ vô hình:

- Trường hợp mua TSCĐ vô hình dùng vào hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng; hoặc

Có TK 141 - Tạm ứng

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

- Trường hợp mua TSCĐ vô hình dùng vào hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình

Có TK 111, 112, 331...

(2). Trường hợp mua TSCĐ vô hình theo phương thức trả chậm, trả góp:

- Khi mua TSCĐ vô hình dùng vào hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình (Nguyên giá - Theo giá mua trả ngay chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn [(Phần lãi trả chậm, trả góp tính bằng số chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán trừ (-) giá mua trả ngay và thuế GTGT đầu vào (nếu có)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

- Khi mua TSCĐ vô hình dùng vào hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình (Nguyên giá - Theo giá mua trả ngay đã có thuế GTGT)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Phần lãi trả chậm, trả góp tính bằng số chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán trừ (-) giá mua trả ngay)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Hàng kỳ tính số lãi phải trả về mua TSCĐ vô hình theo phương thức trả chậm, trả góp, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn.

- Khi thanh toán tiền cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112...

(3). TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi

(3.1). Trao đổi hai TSCĐ vô hình tương tự:

Khi nhận TSCĐ vô hình tương tự do trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự và đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động SXKD, ghi:

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình (Nguyên giá TSCĐ vô hình nhận về ghi theo giá trị còn lại của TSCĐ đưa đi trao đổi)

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (2143) (Giá trị đã khấu hao của TSCĐ đưa đi trao đổi)

Có TK 213 - TSCĐ vô hình (Nguyên giá của TSCĐ vô hình đưa đi trao đổi).

(3.2). Trao đổi hai TSCĐ vô hình không tương tự:

- Ghi giảm TSCĐ vô hình đưa đi trao đổi, ghi:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị đã khấu hao)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Giá trị còn lại của TSCĐ đưa đi trao đổi)

Có TK 213 - TSCĐ vô hình (Nguyên giá).

- Đồng thời phản ánh số thu nhập do trao đổi TSCĐ, ghi:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Giá trị hợp lý của TSCĐ đưa đi trao đổi)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311) (nếu có).

- Ghi tăng TSCĐ vô hình nhận trao đổi về, ghi:

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình (Giá trị hợp lý của TSCĐ nhận về)

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332) (Nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (Tổng giá thanh toán).

Trường hợp phải thu thêm tiền do giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình đưa đi trao đổi lớn hơn giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận được do trao đổi thì khi nhận được tiền của bên có TSCĐ trao đổi, ghi:

Nợ TK 111, 112 (Số tiền đã thu thêm)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Trường hợp phải trả thêm tiền do giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình đưa đi trao đổi nhỏ hơn giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận được do trao đổi thì khi trả tiền cho bên có TSCĐ trao đổi, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 111, 112,...

(4). Giá trị TSCĐ vô hình được hình thành từ nội bộ doanh nghiệp trong giai đoạn triển khai:

(4.1). Khi phát sinh chi phí trong giai đoạn triển khai thì tập hợp vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ hoặc tập hợp vào chi phí trả trước dài hạn, ghi:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (trường hợp giá trị lớn) hoặc

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có các TK 111, 112, 152, 153, 331...

(4.2). Khi xét thấy kết quả triển khai thoả mãn định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình thì:

- Tập hợp chi phí thực tế phát sinh ở giai đoạn triển khai để hình thành nguyên giá TSCĐ vô hình, ghi:

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332) (nếu có)

Có các TK 111, 112, 152, 153, 331...

- Khi kết thúc giai đoạn triển khai, kế toán phải xác định tổng chi phí thực tế phát sinh hình thành nguyên giá TSCĐ vô hình, ghi:

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang.

(5). Khi mua TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất cùng với mua nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì phải xác định riêng biệt giá trị TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất, TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình (Nguyên giá nhà cửa, vật kiến trúc)

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình (Nguyên giá quyền sử dụng đất)

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332 - nếu có)

Có các TK 111, 112, 331...

(6). Khi mua TSCĐ vô hình được thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của các công ty cổ phần, nguyên giá TSCĐ vô hình là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn, ghi:

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (Chi tiết vốn góp và thặng dư vốn cổ phần - Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và mệnh giá cổ phiếu).

(7). Khi doanh nghiệp được tài trợ, biếu, tặng TSCĐ vô hình đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động SXKD:

- Khi nhận TSCĐ vô hình được tài trợ, biếu, tặng, ghi:

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình

Có TK 711 - Thu nhập khác.

- Các chi phí phát sinh liên quan đến TSCĐ vô hình nhận tài trợ, biếu, tặng, ghi:

Nợ TK 213 - TSCĐ vô hình

Có TK 111, 112,...

- Khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (nếu có) trên giá trị TSCĐ vô hình được tài trợ, biếu, tặng, ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp NSNN (3334).

- Sau khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (nếu có) trên giá trị TSCĐ vô hình được tài trợ, biếu, tặng ghi tăng vốn kinh doanh của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Có TK 411 - Nguồn vốn kinh doanh (Chi tiết nguồn vốn kinh doanh khác).

(8). Hạch toán việc nhượng bán, thanh lý TSCĐ vô hình được quy định như hạch toán nhượng bán, thanh lý TSCĐ hữu hình (Xem hướng dẫn ở Tài khoản 211).

Ví dụ về kế toán tăng, giảm tài sản cố định:

Công ty Cơ khí Hải Tân là doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong quý I năm 2010 liên quan đến tình hình tăng, giảm TSCĐ có 1 số nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. Xuất kho thành phẩm dùng làm TSCĐ cho đơn vị theo giá thành của thành phẩm là 72.000.000đ (Biên bản giao nhận TSCĐ ngày 15/01/2010).

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

2. Mua 1 TSCĐ bằng nguồn khấu hao cơ bản, giao cho phân xưởng sản xuất số I sử dụng, đã thanh toán bằng chuyển khoản, giá mua chưa có thuế GTGT: 250.000.000đ; Thuế GTGT là 25.000.000đ (biên bản giao nhận Tài sản ngày 1/2/2010).

3. Mua 1 TSCĐ giá ghi trên hoá đơn là 1.320.000.000đ, trong đó thuế GTGT là 120.000.000đ (hoá đơn bán hàng ngày 01/03/2010), từ nguồn quỹ đầu tư phát triển. Công ty đã ứng trước tiền cho người bán từ tháng trước là 660.000.000đ.

4. Ngày 15/03/2010, thanh lý 1 TSCĐ do bộ phận quản lý sử dụng, nguyên giá là: 12.000.000đ, đã khấu hao hết, chi phí thanh lý và phế liệu thu hồi bằng không.

5. Ngày 26/03/2010, nhượng lại 1 TSCĐ, nguyên giá là 300.000.000đ, đã trích khấu hao: 120.000.000đ, giá bán: 220.000.000đ, trong đó thuế GTGT là 20.000.000đ. Trong ngày người mua đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Yêu cầu : Định khoản các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh:

Giải:

- Định khoản kế toán

Đơn vị tính: 1.000đ

1a.	Nợ TK 632:	72.000	
	Có TK 155:		72.000
1b.	Nợ TK 211:	72.000	
	Có TK 512:		72.000
2	Nợ TK 211:	250.000	
	Nợ TK 133:	25.000	
	Có TK 112:		275.000
3a.	Nợ TK 211:	1.200.000	
	Nợ TK 133:	120.000	
	Có TK 331:		1.320.000.000
3b.	Nợ TK 414:	1.200.000	
	Có TK 411:		1.200.000
4.	Nợ TK 214:	12.000	
	Có TK 211:		12.000
5a.	Nợ TK 811:	180.000	
	Nợ TK 214:	120.000	
	Có TK 211:		300.000
5b.	Nợ TK 112:	220.000	
	Có TK 711:		200.000
	Có TK 333:		20.000

http://vietnam12h.com